

PHÒNG GIÁO DỤC QUẬN 3

TRƯỜNG THCS BÀN CỜ

1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (12 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	3 (TN1,2,3) 0,75đ	2 (TL1a,2a) 2đ	2 (TN7,11) 0,5đ	2 (TL1b,2b) 1,5đ					7,5
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN4) 0,25đ		2 (TN8,9) 0,5đ			1 (TL3) 1đ		1 (TL5) 1đ	
3	Các hình phẳng trong thực tiễn(12 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25đ	1 (TL4a) 0,5đ							2,5
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25đ		2 (TN10,12) 0,5đ			1 (TL4b) 1đ			
Tổng: Số câu Điểm			6 1,5đ	3 2,5đ	6 1,5đ	2 1,5đ		2 2đ		1 1đ	20 10,0đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Chú ý: Tổng tiết : 24 tiết

1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	3TN (TN1,2,3)			
			– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.				
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.	2TL (TL1a, 2a)	1TN (TN7) 1TL (TL 1b)	1TL (TL 2b)	
			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán...				
			– Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.				
			– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.				
			– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).		1TN (TN11)		

			Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính.				
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	1TN (TN4)	1TN (TN9)		
			– Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.				
			Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không...		1TN (TN8) 1TL (TL3)		1TL (TL5)
			– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản... – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước				

			chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất... – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...)..				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1TN (TN5)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1TN (TN6)	1TN (TN10)		
			Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.	1TL (TL 4a)	1TN (TN12)	1TL (TL 4b)	

ĐỀ KIỂM TRA TOÁN GIỮA KỲ 1 - KHỐI 6

I-TRẮC NGHIỆM

Câu 1: (NB) Cho tập hợp $A = \{0; 11; 12; 13; 17; 18\}$ chọn khẳng định sai?

- A. $12 \in A$ B. $16 \notin A$
C. $5 \in A$ D. $8 \notin A$

Câu 2: (NB) Tập hợp M các số lớn hơn không và không vượt quá 21 là

- A. $M = \{0; \dots; 11; 12; \dots; 19; 20\}$ B. $M = \{x / x \in \mathbb{N}, 0 < x \leq 21\}$
C. $M = \{x / x \in \mathbb{N}; 10 < x < 21\}$ D. $M = \{1; \dots; 11; 12; 13; \dots\}$

Câu 3: (NB) Trong các số sau số nào là số tự nhiên?

- A. $\frac{15}{17}$ B. $4\frac{1}{3}$ C. 2023 D. 32,3

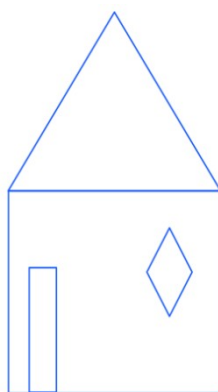
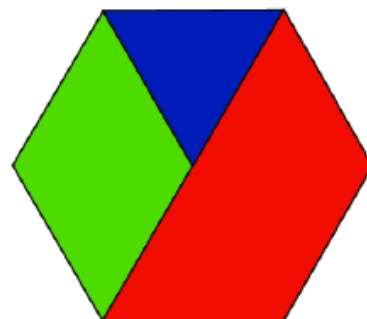
Câu 4: (NB) Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố

- A. 25 B. 11 C. 1 D. 33

Câu 5: (NB) Trong hình dưới đây gồm các hình nào, chọn câu trả lời đúng và đầy đủ?

- A. Hình thang cân, hình thoi, tam giác đều
B. Hình thoi, hình thang cân, lục giác đều
C. Tam giác đều, hình thang cân, hình bình hành
D. Hình thoi, hình thang cân, tam giác đều, lục giác đều

Câu 6: (NB) Cho hình bên, em hãy cho biết trong hình bên có những hình gì?



- A. Hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi, tam giác đều.
B. Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, tam giác đều.
C. Hình chữ nhật, hình thoi, tam giác đều, hình thang cân
D. Hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông, hình thang cân.

Câu 7: (TH) Kết quả của phép tính $4^2 + 3^2$

- A. 7^2
B. 7^4

C. 14

D. 5^2

Câu 8: (TH) Cho biểu thức: $A = 10 + 302 + 14 + x$. Tìm x để A chia hết cho 2

A. $x \in \{2; 4; 6; 8; 10\}$

B. x là số lẻ

C. x là số tự nhiên bất kỳ

D. x là số chẵn

Câu 9: (TH) Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Số 0 là số nguyên tố chẵn duy nhất.

B. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.

C. Các số nguyên tố nhỏ hơn 20 là: 3; 5; 7; 9; 11; 13; 15; 17; 19.

D. Các số nguyên tố đều là số lẻ.

Câu 10: (TH) Khẳng định nào sau đây là sai?

A. Hai góc đối của hình thang cân bằng nhau.

B. Trong hình thoi các góc đối bằng nhau.

C. Hai đường chéo của hình bình hành cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau

Câu 11: (TH) Bạn Lan tiết kiệm mỗi tuần được 40 000 đồng để mua một máy tính với giá 360 000 đồng yêu thích. Hỏi sau bao nhiêu tuần Lan tiết kiệm đủ số tiền mua máy và mua thêm 10 cuốn tập, giá mỗi cuốn 4000 đồng?

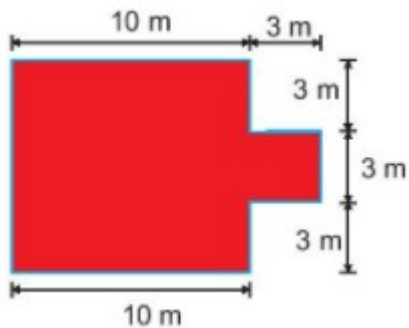
A. 8 tuần

B. 10 tuần

C. 9 tuần.

D. 11 tuần

Câu 12: (TH) Tính chu vi của khu vườn có kích thước như hình vẽ dưới đây, ta được kết quả là:



A. 46 m

B. 49 m

C. 44 m

D. 41 m

PHẦN 2 . TỰ LUẬN:

Câu 1: [1 NB + 0,5 TH] Thực hiện phép tính:

a) $75 - 23.2 + 18$

b) $120 : 2^2 - 5^8 : 5^6 + 7^0$

Câu 2: [1 NB + 1 VDT] Tìm x

a) $82 - x = 19$

b) $2(x - 18) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$

Câu 3: [1 TH]

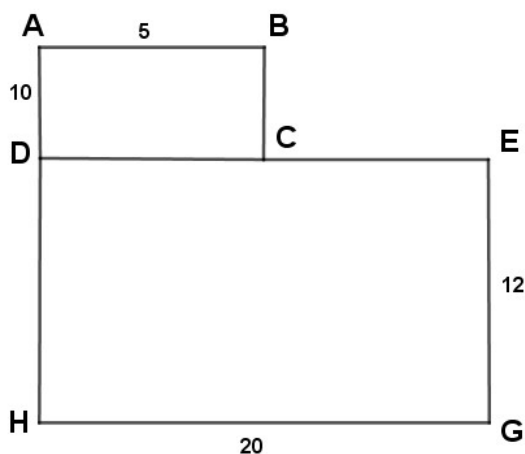
Số tự nhiên $A = \overline{12x34y}$. Tìm x, y để A chia hết cho 2, 3, 5, 9.

Câu 4: [0,5 NB + 1 VDT]

Một khu vườn có kích thước như hình vẽ, biết: $AB = 10m$; $BC = 5m$; $EG = 12m$; $GH = 20m$.

a) Tính chu vi khu vườn?

b) Tính diện tích khu vườn?



Câu 5: [VDC] Không thực hiện tính tổng.

Chứng minh rằng $A = 7^3 + 7^4 + 7^5 + 7^6 + \dots + 7^{97} + 7^{98}$ chia hết cho 8

---HẾT---

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	C	B	C	B	D	A	D	D	B	A	B	C

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1 (1đ)	a) $75 - 23 \cdot 2 + 18$	0,25
	$= 75 - 46 + 18$	0,25
	$= 29 + 18$	0,25
	$= 47$	0,25

	$b) 120 : 2^2 - 5^8 : 5^6 + 7^0$ $= 120 : 4 - 5^2 + 1$ $= 30 - 25 + 1$ $= 5 + 1$ $= 6$	0,25 0,25 0,25
2 (2,0 đ)	$a) 82 - x = 19$ $x = 82 - 19$ $x = 63$	0,25 0,25 0,25 0,25
	$b) 2.(x - 18) = 2^2.3.5$ $2.(x - 18) = 60$ $x - 18 = 60 : 2$ $x - 18 = 30$ $x = 30 + 18$ $x = 48$	0,25 0,25 0,25 0,25
3 (1,0 đ)	Vì $\overline{12x34y}$ chia hết cho 2 và 5 nên $y = 0$ Suy ra $A = \overline{12x340}$. Để A chia hết cho 3, 9 thì A cần chia hết cho 9. Nghĩa là $1 + 2 + x + 3 + 4 + 0$ chia hết cho 3 $\Rightarrow 10 + x \text{ chia hết cho } 9$ $\Rightarrow x = 8$ Vậy số cần tìm là 128340	0,25 0,25 0,25 0,25
4 (1,5 đ)	a) Chu vi của khu vườn là : $10 + 5 + 5 + (20 - 10) + 12 + 20 + 12 = 74(m)$	0,5
	b) Diện tích của khu vườn là : $10.5 + 20.12 = 290(m^2)$	0,5 0,5

5 (1,0 đ)	$A = 7^3 + 7^4 + 7^5 + 7^6 + \dots + 7^{97} + 7^{98}$	0,25
	$= 7^3 \cdot (1 + 7) + 7^5 \cdot (1 + 7) + \dots + 7^{97} \cdot (1 + 7)$	0,25
	$= 7^3 \cdot 8 + 7^5 \cdot 8 + \dots + 7^{97} \cdot 8$	0,25
	$= 8 \cdot (7^3 + 7^5 + \dots + 7^{97})$	0,25
	$\Rightarrow A : 8$	

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>